CPA VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO (IDICO - IDI)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (IDICO - IDI JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 4103008732) đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 2 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1096+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Thuý	Chủ tịch
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Ủy viên
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Đinh Xuân Vinh	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Vượng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Vũ Thành Danh	Phó Giám đốc
	Ông Lê Quốc Đạt	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán:
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc
Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010

CPA VIETNAM

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

Tel: +84 (4) 3 783 2121
Fax: +84 (4) 3 783 2122
Email: hanoi@cpavietnam.org
www.cpavietnam.org

Số: 493/2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng IDICO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2010, lợi nhuận sau thuế chỉ được sử dụng để bù đắp lỗ lũy kế từ các năm trước và không trích lập các quỹ khác. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, các khoản chi quỹ khen thưởng, phúc lợi vẫn thực hiện, do đó số dư quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 30/06/2010 của Công ty là âm (-) 470.308.804 đồng.

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Nguyễn Phú Hà	**Trương Văn Nghĩa**
Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0389/KTV	Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010

An independent firm, in association with Moore Stephens International Limited, members in principal cities throughout the world

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**62.957.326.827**	**50.413.076.529**
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền	**110**		**3.856.610.640**	**3.569.134.959**
1. Tiền	111	5.1	3.856.610.640	3.569.134.959
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**16.000.000.000**	**12.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.000.000.000	12.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**35.876.825.836**	**30.608.737.536**
1. Phải thu khách hàng	131		802.267.440	114.414.000
2. Trả trước cho người bán	132		2.309.151.823	1.334.362.255
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	33.149.809.183	29.598.631.251
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(384.402.610)	(438.669.970)
IV- Hàng tồn kho	**140**		**3.352.119.993**	**2.711.929.757**
1. Hàng tồn kho	141	5.3	3.352.119.993	2.711.929.757
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.871.770.358**	**1.523.274.277**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.654.309	9.576.772
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		59.491.683	59.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.807.624.366	1.454.205.822
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**610.754.327.030**	**637.268.582.317**
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**5.107.511.532**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	825.267.440
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.4	-	4.282.244.092
II- Tài sản cố định	**220**		**501.526.672.210**	**522.933.415.965**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	492.143.803.576	519.863.592.160
- Nguyên giá	*222*		*779.312.333.151*	*779.269.819.691*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(287.168.529.575)*	*(259.406.227.531)*
3. Tài sản cố định vô hình	227		406.454.591	456.498.065
- Nguyên giá	*228*		*714.424.800*	*714.424.800*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(307.970.209)*	*(257.926.735)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	8.976.414.043	2.613.325.740
III- Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.7**	**109.227.654.820**	**109.227.654.820**
3. Đầu tư dài hạn khác	258		123.688.488.620	123.688.488.620
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(14.460.833.800)	(14.460.833.800)
V- Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**673.711.653.857**	**687.681.658.846**

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**394.782.915.626**	**429.384.173.151**
(300 = 310+330)				
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**29.844.200.533**	**22.510.761.320**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	11.000.000.000	11.272 000.000
2. Phải trả người bán	312		6.773.484.116	7.286.507.192
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.776 178 183	1.345.300.807
5. Phải trả người lao động	315		1.324.224.375	2.261.025.583
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	4 453.340.855	131.954 542
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(470.308 804)	213.973.196
II- Nợ dài hạn	**330**		**364.938.715.093**	**406.873.411.831**
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.11	57.395.964.880	57.912.024 880
4. Vay và nợ dài hạn	334	5 12	307.433.571.399	348.833.571 399
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		109.178 814	127 815.552
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**278.928.738.231**	**258.297.485.695**
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.13**	**278.928.738.231**	**258.297.485.695**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	249.492.000.000	249 492 000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	9.150.770	9.150.770
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5 13	29.427 587.461	8.796.334 925
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**673.711.653.857**	**687.681.658.846**

Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Văn Thọ
Quyền Trưởng phòng TC-KT

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

	CHỈ TIÊU	MS	TM	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	84.980.861.995	69.044.763.647
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	84.980.861.995	69.044.763.647
4	Giá vốn hàng bán	11	5.15	35.115.415.287	15.226.965.722
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**49.865.446.708**	**53.817.797.925**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	4.354.953.422	6.684.300.536
7.	Chi phí tài chính	22	5.17	22.169.913.999	29.627.592.765
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*22.169.913.999*	*21.548.914.665*
8.	Chi phí bán hàng	24		7.944.994.729	7.638.423.915
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.476.431.701	3.026.792.979
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**20.629.059.701**	**20.209.288.802**
11.	Thu nhập khác	31		2.861.219	23.709.102
12.	Chi phí khác	32		668.384	-
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**5.18**	**2.192.835**	**23.709.102**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**20.631.252.536**	**20.232.997.904**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**20.631.252.536**	**20.232.997.904**
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	827	811

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Văn Thọ
Quyền Trưởng phòng TC-KT

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

CHỈ TIÊU	MS	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	98.590.894.000	75.949.240.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(8.108.121.724)	(4.988.281.633)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.288.186.002)	(6.464.534.109)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.169.913.999)	(21.548.914.665)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.846.022.237	6.943.310.058
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.613.556.162)	(11.992.857.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**42.257.138.350**	**37.897.961.729**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.860.023)	(125.993.137)
2. Thu thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.150.000.000)	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.332.659.396)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.150.000.000	
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.745.197.354	3.533.001.484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(297.662.669)**	**(3.925.651.049)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.000.000.000	7.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.672.000.000)	(38.300.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(41.672.000.000)**	**(31.300.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**287.475.681**	**2.672.310.680**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	3.569.134.959	14.281.386.200
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**3.856.610.640**	**16.953.696.880**

Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 21010

Nguyễn Văn Thọ
Quyền Trưởng phòng TC-KT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 4103008732) ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (IDICO - IDI JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (số cũ 4103008732) đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 2 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249 492.000 000 đồng

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Quyết định số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng **Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT)** số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông đoạn An Sương - An Lạc trên Quốc lộ 1A thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sở hữu vốn:

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam	35%
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	12,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	10%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng IDICO	2,5%
Các cổ đông thể nhân khác	20%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008732, ngày 12 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1/2005.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	06 tháng năm 2010
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	07
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm quản lý thu phí

Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vi mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé "Cước đường bộ" lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1 639.395 000	1.054.451.000
Tiền gửi ngân hàng	2 217 215.640	2.514.683 959
Tổng	**3.856.610.640**	**3.569.134.959**

5.2 Phải thu khác

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	
Phải thu khác	33.149.809.183	29.598.631.251
IDICO - URBIZ	*10 596.513 346*	*10.596.513 346*
IDICO - UDICO	*10.254.360.045*	*10 254 360.045*
IDICO - COMATRA	*7.162.357.886*	*7.162 357.886*
IDICO -CONAC	*4 282 244 092*	
CNV CIENCO 6	-	-
CNV -IDICO	-	*343 603.000*
Đối tượng khác	*854.333 814*	*1.241.796.974*
Tổng	**33.149.809.183**	**29.598.631.251**

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	205.893 710	96.740 330
Công cụ, dụng cụ	10 698.688	15 272 096
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.135.527.595	2.599.917.331
Tổng	**3.352.119.993**	**2.711.929.757**

5.4 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu dài hạn khác	-	4 282 244.092
Công ty IDICO-CONAC		*4.282.244 092*
Đối tượng khác		
Tổng	**-**	**4.282.244.092**

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	**770.796.556.225**	**6.607.789.408**	**1.478.881.600**	**386.592.458**	**779.269.819.691**
Tăng trong kỳ	**-**	**30.911.800**	**-**	**11.601.660**	**42.513.460**
Mua trong kỳ		30.911.800	-	11.601.660	42.513.460
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	**770.796.556.225**	**6.638.701.208**	**1.478.881.600**	**398.194.118**	**779.312.333.151**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	**255.729.195.035**	**2.534.768.003**	**893.856.947**	**248.407.546**	**259.406.227.531**
Tăng trong kỳ	**27.198.965.325**	**458.273.967**	**73.944.084**	**31.118.668**	**27.762.302.044**
Khấu hao trong kỳ	27.198.965.325	458.273.967	73.944.084	31.118.668	27.762.302.044
Tăng khác		-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	**282.928.160.360**	**2.993.041.970**	**967.801.031**	**279.526.214**	**287.168.529.575**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	**515.067.361.190**	**4.073.021.405**	**585.024.653**	**138.184.912**	**519.863.592.160**
Tại 30/06/2010	**487.868.395.865**	**3.645.659.238**	**511.080.569**	**118.667.904**	**492.143.803.576**

5.6 Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
DA cải tạo QL1A đoạn An Sương An Lạc	7.498.050.310	1.222.958.370
Dự án đường Hà Huy Giáp, quận 12	1.369.919.333	1.281.922.970
Các Dự án khác	108.444.400	108.444.400
	8.976.414.043	**2.613.325.740**

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư dài hạn khác	123.688.488.620	138.619.261.740
Đầu tư cổ phiếu (i)	108.757.715.500	123.688.488.620
Đầu tư dài hạn khác (ii)	*14.930.773.120*	*14.930.773.120*
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(14.460.833.800)	(14.460.833.800)
	109.227.654.820	**124.158.427.940**

5.7 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) + Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu Số cổ phiếu nắm giữ 2.992.103 cổ phiếu, Giá trị đầu tư 85.274.935.500 đồng. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 14.460.833.800 đồng đã được trích lập cho khoản đầu tư nói trên Hiện tại, Cổ phiếu Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO chưa niêm yết giao dịch chính thức do đó việc trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này tính theo giá báo giá bình quân của 3 công ty chứng khoán thời điểm 31/12/2009.
++ Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu sản xuất gia công và bao bì, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số cổ phiếu nắm giữ 1.476.490 cổ phiếu Giá trị đầu tư 23.482.780.000 đồng

(ii) Góp vốn hợp tác đầu tư và kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long An IDICO dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6 - Thị xã Tân An, Tỉnh Long An. Theo hợp đồng, hai bên sẽ thành lập một Ban quản lý dự án, vốn góp và lợi nhuận được chia theo tỷ lệ 50/50. Tổng mức đầu tư của Dự án là 1.319 tỷ đồng.

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Ngân hàng NN& PTNN Hóc Môn	11.000.000.000	11.272.000.000
Tổng	**11.000.000.000**	**11.272.000.000**

5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.729.170.230	1.297.321.844
Thuế thu nhập cá nhân	47.007.953	47.978.963
Tổng	**1.776.178.183**	**1.345.300.807**

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	53.668.124	46.826.455
Bảo hiểm xã hội	98.211.962	4.032.621
Bảo hiểm y tế	19.767.828	-
Bảo hiểm thất nghiệp	16.744.666	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.264.948.275	81.095.466
Tổng	**4.453.340.855**	**131.954.542**

5.11 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải trả dài hạn khác	-	-
Tổng Công ty IDICO	*57.395.964.880*	57.912 024.880
Tổng	**57.395.964.880**	**57.912.024.880**

5.12 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010 VND	01/01/2009 VND
Vay dài hạn	**307.433.571.399**	**348.833.571.399**
Vay ngân hàng	307 433 571 399	348.833.571.399
Tổng	**307.433.571.399**	**348.833.571.399**

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 351/2004/HĐ ngày 28 tháng 7 năm 2004 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh, Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt Số tiền vay theo hợp đồng là 580.000 000.0000 đồng, mục đích đầu tư dự án "Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 A đoạn An Sương - An Lạc Km 1901 - Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh" Thời hạn vay 126 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian trả nợ 120 tháng bắt đầu vào quý I năm 2005, trả nợ gốc 3 tháng 1 kỳ, lãi trả ngày 25 đến 30 hàng tháng.

Lãi suất không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố

Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu phí quốc lộ 1A theo hợp đồng BOT

5.13 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	**249.492.000.000**	**51.076.159.164**	**-**	**(23.590.404.871)**	**276.977.754.293**
Tăng trong năm	**-**	**-**	**9.150.770**	**33.651.793.623**	**33.660.944.393**
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm	-	-		20.232.997.904	20.232.997.904
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm	-	-	-	13.418.795.719	13.418.795.719
Tăng khác	-	-	9.150.770	-	9.150.770
Giảm trong năm	-	51.076.159.164	-	1.265.053.827	**52.341.212.991**
Giảm khác 6 tháng đầu năm	-	-	-	1.259.063.966	1.259.063.966
Giảm khác 6 tháng cuối năm	-	51.076.159.164	-	5.989.861	51.082.149.025
Số dư tại 30/06/2009	**249.492.000.000**	**-**	**9.150.770**	**8.796.334.925**	**258.297.485.695**
Số dư tại 01/01/2010	**249.492.000.000**	**-**	**9.150.770**	**8.796.334.925**	**258.297.485.695**
Tăng trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**20.631.252.536**	**20.631.252.536**
Lãi	-	-		20.631.252.536	20.631.252.536
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	**-**		**-**	**-**	**-**
Giảm khác	-				-
Số dư tại 30/06/2010	**249.492.000.000**	**-**	**9.150.770**	**29.427.587.461**	**278.928.738.231**

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000

c. Cổ phiếu

	06 tháng đầu năm 2010 Cổ phiếu	06 tháng đầu năm 2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/cổ phiếu	10.000 đ/cổ phiếu

5.14 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
Doanh thu thu phí đường bộ	77.358.381.821	69.044 763.647
Doanh thu dịch vụ xây lắp	7.622.480.174	-
Tổng	**84.980.861.995**	**69.044.763.647**

5.15 Giá vốn hàng bán

	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn thu phí đường bộ	27 900.475.577	15 226.965 722
Giá vốn của dịch vụ xây lắp	7.214.939.710	-
Tổng	**35.115.415.287**	**15.226.965.722**

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.199.515 211	6.684.300.536
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.155.438.211	-
Tổng	**4.354.953.422**	**6.684.300.536**

5.17 Chi phí hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền vay	22.169.913.999	21.548.914.665
Tổng	**22.169.913.999**	**29.627.592.765**

5.18 Thu nhập khác/Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2010 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	2.861 219	23 709.102
Tổng	**2.861.219**	**23.709.102**
Chi phí khác		
Chi phí khác	668.384	-
Tổng	**668.384**	**-**
Thu nhập khác thuần	**2.192.835**	**23.709.102**

5.19 Lãi trên cổ phiếu

	06 tháng đầu năm 2010	06 tháng đầu năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	20.631.252.536	20 232.997 904
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.631.252.536	20 232.997 904
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949 200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**827**	**811**

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2010 VND	06 tháng đầu năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.375.517.271	821.067.651
Chi phí nhân công	9 397.214 822	6.996.689.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.812.345.518	14 710.720 850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.027.886.969	1.817.467.187
Chi phí khác bằng tiền	1 459.487.401	1.546.237.225
Tổng	**47.072.451.981**	**25.892.182.616**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số dư và giao dịch với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung công nợ	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ	Phải trả cho ICI	62.383.246.688	57 912.024.880
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Phải trả khối lượng xây lắp		100.000 000
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn	Phải trả khối lượng xây lắp		
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	4.282 244 092	4.282.244 092
IDICO - URBIZ	Cổ đông lớn	Phải thu	10.596.513 346	10.596 513 346
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn	Phải trả khối lượng xây lắp	333 398.850	333 398 850
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	10 254 360 045	10 254.360.045
IDICO - COMATRA	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	7 162.357.886	7.162.357.886

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán

Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Văn Thọ
Quyền Trưởng phòng TC-KT